

Số: 07/KH-THCS.MC

Minh Châu, ngày 23 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số của Trường THCS Minh Châu
năm 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:

Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực tin học cho học sinh phổ thông tỉnh Nghệ An theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2024-2030;

Kế hoạch số 195/KH-SGD&ĐT ngày 23/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2026.

Trường THCS Minh Châu ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của ngành Giáo dục (GD&ĐT) năm 2026, như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

- Đưa ứng dụng công nghệ số và dữ liệu số để cải tiến, thay đổi quy trình tác nghiệp của cơ quan quản lý giáo dục nhằm đổi mới phương thức quản lý và giảng dạy, lấy người dân, học sinh làm trung tâm.

- Đạt được các tỷ lệ các chỉ số dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ tốt nhất cho người dân.

- Giúp học sinh làm quen và thành thạo các kỹ năng số cần thiết, bao gồm sử dụng dịch vụ công, mua sắm và thanh toán trực tuyến, bảo vệ bản thân trên không gian mạng, sử dụng các nền tảng số theo đặc thù địa phương;

- Triển khai và hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) cho các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý, đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, kết nối Internet và ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), hướng đến dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý và giảng dạy. Đồng thời đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn và có phương án phục hồi trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Bồi dưỡng đội ngũ có kỹ năng số cơ bản và chuyên sâu, sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu. Tích

cực khuyến khích sử dụng các nền tảng công nghệ mới, bao gồm trí tuệ nhân tạo và trợ lý ảo, trong công việc.

- Nâng cao nhận thức về an ninh mạng cho công chức, viên chức và học sinh.
- Tiếp tục thực hiện, triển khai các nhiệm vụ để đạt được mục tiêu theo Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Đưa ứng dụng công nghệ số và dữ liệu số để cải tiến, thay đổi quy trình tác nghiệp của cơ quan nhà nước nhằm đổi mới phương thức phục vụ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; đảm bảo công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.
- Góp phần phấn đấu chuyển đổi số của xã Minh Châu năm 2026 thuộc nhóm đầu toàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- 80% viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 100% thành viên Ban chỉ đạo Chuyển đổi số nhà trường được bồi dưỡng khóa Chuyển đổi số do UBND xã và Ngành GD&ĐT triển khai.
- Áp dụng đúng, đủ các văn bản pháp luật về lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số.
- Rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành GD&ĐT đủ, sống, sạch đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu Quốc gia.
- Tăng cường sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến, nền tảng giáo dục số làm giàu kho tài nguyên giáo dục số quốc gia phục vụ công tác giảng dạy cho học sinh trên địa bàn tỉnh.
- Viên chức biết áp dụng, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để phục vụ công tác quản lý và dạy học.
- Nhà trường có đủ thiết bị để phục vụ ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong quản lý và dạy học.
- 90% cán bộ, giáo viên được cấp chữ ký số phục vụ ký số trên học bạ số và hồ sơ hoạt động giáo dục khác.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt mức 100%.
- Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 70%.
- Tỷ lệ cung cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử trung bình đạt 100%.
- Tỷ lệ VC-NLĐ nhà trường sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Tỷ lệ giá trị thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ GD&ĐT trên tổng số giá trị thanh toán đạt 100%.

- Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định được số hóa đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực giáo dục thực hiện trực tuyến từ xa, không phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước đạt trên 90%.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến (công chức, viên chức) đạt trên 100%.

- Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên đạt 100% (Phụ thuộc vào Bộ GD&ĐT triển khai và hướng dẫn).

- Duy trì 100% các trang, cổng thông tin điện tử của nhà trường được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng

- 100% máy tính trong nhà trường được cài đặt các chương trình phòng, chống virus và sử dụng hệ điều hành có bản quyền; các thiết bị bảo mật, thiết bị mạng thường xuyên được nâng cấp, cập nhật các bản vá lỗi.

- 100% viên chức được tuyên truyền, phổ biến về trách nhiệm và kỹ năng cơ bản để bảo đảm an toàn thông tin khi tham gia ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan quản lý nhà nước.

- Khuyến khích 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên triển khai Chương trình tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm an toàn, an ninh thông tin.

- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của nhà trường đạt 100%.

- Tỷ lệ triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.

- Duy trì sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%

- Tỷ lệ triển khai thanh toán tiền lương, phụ cấp tiền lương, học bổng không dùng tiền mặt đạt 100%.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Xây dựng các kế hoạch, chương trình, hướng dẫn cụ thể về chuyển đổi số trong toàn trường

- Ban Chỉ đạo nhà trường điều hành công tác chuyển đổi số trong nhà trường với các bộ phận phụ trách từng mảng: hạ tầng CNTT, ứng dụng các phần mềm quản lý, triển khai dạy học trực tuyến, đảm bảo an ninh mạng, ...

- Phối hợp với các cơ quan liên quan để đảm bảo việc thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, nhất là trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, các hệ thống thông tin liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh.

- Đảm bảo các dự án số hóa tài liệu, rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT đảm bảo đủ, sống, sạch và triển khai hệ thống học trực tuyến được thực hiện đúng tiến độ và đạt hiệu quả.

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, đảm bảo nắm vững kiến thức và công nghệ mới trong quá trình Chuyển đổi số.

- Khuyến khích sử dụng các nền tảng số để làm việc trực tuyến, tổ chức họp trực tuyến khi cần thiết.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chuyển đổi số tại các bộ phận phụ trách theo từng mảng công việc. Đánh giá hiệu quả, phát hiện các khó khăn, tồn tại trong quá trình triển khai.

- Thường xuyên báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các nội dung Chuyển đổi số lên Sở/Xã, nhà trường để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

- Tổ chức tổng kết và đánh giá lại toàn bộ hoạt động Chuyển đổi số, rút ra bài học kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo.

- Đưa ra các kiến nghị, đề xuất về cơ chế, chính sách từ phía địa phương nhằm hỗ trợ công tác chuyển đổi số hoặc cơ chế khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ trong giảng dạy.

- Khuyến khích nghiên cứu, thử nghiệm các giải pháp công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả trong quản lý và giảng dạy.

2. Thể chế, chính sách số

2.1. Công tác thông tin, tuyên truyền

- Tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, tổ chức các Hội nghị, Hội thảo chuyên đề về chuyển đổi số; phổ cập kỹ năng số, chuyển đổi số cho viên chức trong nhà trường.

- Tuyên truyền viên chức, người dân hưởng ứng tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia (Zalo) để cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

- Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền sâu rộng đến viên chức ngành nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, nhất là dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số với nội dung thiết thực, hiệu quả, có kế hoạch, nội dung cụ thể.

- Triển khai hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.
- Thời gian thực hiện: năm 2026.

2.2. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền

- Hàng năm, tiếp tục soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.
- Thường xuyên rà soát, công bố, công khai Danh mục TTHC của các cấp trên trang thông tin của nhà trường
- Kết quả: cắt giảm thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục, đơn giản hóa giúp người dân và doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính nhanh, hiệu quả (giảm thời gian, hồ sơ giấy tờ...)

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.
- Thời gian thực hiện: năm 2026.

2.3. Ban hành và hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu

- Tiếp tục xây dựng ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin quốc gia, cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin quốc gia/chuyên ngành giáo dục và đào tạo do Sở GD&ĐT quản lý.

- Kết quả: người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng các dữ liệu được công bố, kết nối, chia sẻ cho mục đích sử dụng.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.
- Thời gian thực hiện: năm 2026.

3. Hạ tầng số

3.1. Mua sắm trang thiết bị và phần mềm phục vụ chuyên môn, nghiệp vụ và chuyển đổi số

- Xây dựng kế hoạch trang bị thiết bị và phần mềm CNTT, CDS năm 2026 để thực hiện.
- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.
- Kết quả: bảo đảm thiết bị phục vụ Chuyên môn, nghiệp vụ và chuyển đổi số tại nhà trường.
- Thời gian thực hiện: hoàn thành quý IV năm 2026.

3.2. Tăng cường trang bị thiết bị và các phần mềm phục vụ quản lý và dạy học trong ngành

- Xây dựng kế hoạch trang bị hoặc lồng ghép vào các kế hoạch năm để thực hiện;
- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về Phòng Văn hóa và Xã hội cấp xã tổng hợp.

- Chủ động tăng cường trang bị thiết bị và các ứng dụng phục vụ quản lý và dạy học

- Kết quả: bảo đảm thiết bị phục vụ công tác chuyên môn.

- Thời gian thực hiện: hoàn thành quý IV năm 2026.

3.3. Tiếp tục triển khai và hoàn thiện nâng cấp hạ tầng mạng của cơ quan, đơn vị, nhằm đảm bảo an toàn thông tin, hoạt động ổn định, thông suốt; đảm bảo kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành, hỗ trợ viên chức thực hiện công việc nhanh chóng, hiệu quả hơn.

- Rà soát, kiểm tra đề xuất nâng cấp thiết bị mạng cơ quan, đơn vị đảm bảo an toàn thông tin, hoạt động ổn định, thông suốt; đảm bảo kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, hỗ trợ viên chức thực hiện công việc nhanh chóng, hiệu quả hơn.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.

- Kiểm tra đề xuất nâng cấp thiết bị mạng đảm bảo an toàn thông tin, hoạt động ổn định, thông suốt; đảm bảo kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, hỗ trợ viên chức thực hiện công việc nhanh chóng, hiệu quả hơn;

- Báo cáo kết quả về Phòng Văn hóa và Xã hội cấp xã để tổng hợp.

- Thời gian hoàn thành: Quý IV/2026.

3.4. Đề xuất và trang bị thiết bị và các phần mềm ứng dụng, bảo mật cho nhà trường

- Xây dựng kế hoạch trang bị hoặc lồng ghép vào các kế hoạch năm để thực hiện;

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về Phòng Văn hóa và Xã hội cấp xã để tổng hợp.

- Chủ động trang bị thiết bị và các phần mềm ứng dụng bảo mật trong nhà trường

- Kết quả: bảo đảm thiết bị bảo vệ an toàn, bảo mật thông tin trên môi trường mạng.

- Thời gian thực hiện: hoàn thành quý IV năm 2026.

4. Nhân lực số

4.1. Các chương trình bồi dưỡng, đào tạo về Chuyển đổi số của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT, UBND cấp xã

- Đề cử nhân sự tham gia các chương trình bồi dưỡng, đào tạo về Chuyển đổi số của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT, UBND cấp xã.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.

- Kết quả: giúp nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo. Thành phần tham gia đã được trang bị kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, tăng cường khả năng ứng dụng công nghệ vào các hoạt động quản lý và giảng dạy trong trường học, góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong toàn ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian thực hiện: hoàn thành quý IV năm 2026.

4.2. Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho viên chức của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức (khi có tổ chức các lớp tập huấn);

- Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số cho viên chức.
- Kết quả: nâng cao kỹ năng số cho viên chức trong nhà trường
- Thời gian thực hiện: hoàn thành quý IV năm 2026.

4.3. Triển khai Nền tảng học trực tuyến mở trong bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số cho viên chức là đội ngũ nòng cốt về chuyển đổi số của nhà trường

- Xây dựng kế hoạch, kinh phí triển khai nền tảng học trực tuyến mở trong bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số cho viên chức là đội ngũ nòng cốt về chuyển đổi số của nhà trường.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.
- Kết quả: giúp nâng cao kiến thức về chuyển đổi số cho viên chức là đội ngũ nòng cốt về chuyển đổi số của nhà trường, qua nền tảng học trực tuyến giúp tiết kiệm thời gian, kinh phí và học mọi lúc, mọi nơi.
- Thời gian thực hiện: hoàn thành quý IV năm 2026.

5. Phát triển dữ liệu số

5.1. Tiếp tục rà soát, cập nhật, chia sẻ dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo tập trung

- Định kỳ nhà trường tổ chức rà soát, cập nhật dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT đảm bảo cơ sở dữ liệu đủ, sống, sạch.
- Kết quả: Kết nối, chia sẻ, liên thông các loại cơ sở dữ liệu hiện có trong ngành GD&ĐT với trực liên thông cơ sở dữ liệu của Tỉnh, Quốc gia.
- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.
- Thời gian thực hiện: theo kế hoạch của Sở GD&ĐT.

5.2. Đưa vào sử dụng phần mềm Quản lý ngân hàng câu hỏi trên nền tảng và giải pháp số cho bài kiểm tra, khảo sát và kiểm tra trực tuyến

- Lập kế hoạch sử dụng phần mềm Quản lý ngân hàng câu hỏi trên nền tảng và giải pháp số cho bài kiểm tra, khảo sát và kiểm tra trực tuyến.
- Triển khai đến các trường học trên địa bàn và các bộ phận trong nhà trường.
- Kết quả: Việc quản lý, lưu trữ các câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra khảo sát một cách hệ thống, khoa học, giúp tiết kiệm thời gian, công sức và chi phí trong hoạt động biên soạn đề; Công cụ trực tuyến hỗ trợ giáo viên trong công tác giảng dạy, ra đề cho các bài kiểm tra, khảo sát, kiểm tra trực tuyến, giảm áp lực cho giáo viên.
- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.

- Thời gian thực hiện và hoàn thành: học kỳ II năm học 2025 - 2026 và năm học 2026 - 2027.

5.3. Triển khai sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến và kho học liệu số, tài nguyên giáo dục số quốc gia phục vụ công tác giảng dạy cho học sinh trên địa bàn thực hiện Quyết định số 4725/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT.

- Triển khai và hướng dẫn sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến và kho tài nguyên giáo dục số quốc gia phục vụ công tác giảng dạy cho học sinh trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.

- Triển khai sử dụng hiệu quả nền tảng dạy học trực tuyến và kho tài nguyên giáo dục số quốc gia phục vụ công tác giảng dạy cho học sinh theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT; báo cáo kết quả lên cấp trên theo quy định.

- Thời gian hoàn thành: năm 2026

5.4. Tiếp tục triển khai học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT)

- Triển khai Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.

- Thời gian hoàn thành: kết thúc năm học 2026 - 2027.

5.5. Cung cấp số liệu nhằm duy trì, hoàn thiện kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư (Đề án 06) với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh/Hệ thống giải quyết TTHC của Bộ GD&ĐT (Bộ GD&ĐT trực tiếp thực hiện kết nối dữ liệu);

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.

- Thời gian hoàn thành: năm 2026 và thường xuyên

6. An toàn thông tin mạng

6.1. Trang bị thiết bị an toàn hệ thống thông tin nhà trường

- Thực hiện mua sắm thiết bị an toàn hệ thống thông tin của nhà trường trong dự toán kinh phí Chuyển đổi số năm 2026. Thực hiện quy trình mua sắm tập trung theo quy định.

Kết quả: bảo đảm an toàn hệ thống thông tin nhà trường và các thiết bị an ninh, an toàn.

- Thời gian thực hiện: hoàn thành quý III năm 2026.

6.2. Xây dựng phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ hệ thống thông tin của nhà trường

- Xây dựng phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ hệ thống thông tin của nhà trường, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định.

- Lập danh mục thiết bị bảo mật, an toàn thông tin để trang bị phục vụ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ hệ thống thông tin của nhà trường.

- Kết quả: bảo vệ hệ thống thông tin nhà trường trước các cuộc tấn công mạng.

- Thời gian thực hiện: hoàn thành quý III năm 2026.

7. Chính phủ số

7.1. Triển khai cổng dịch vụ công trực tuyến hệ thống thông tin giải quyết của Bộ GD&ĐT để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của Văn phòng và Truyền thông, Sở GD&ĐT; UBND cấp xã; VNPT Nghệ An.

- Kết quả: Công dân và Doanh nghiệp có thể thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến nhanh chóng, giảm bớt giấy tờ và các bước trung gian, giúp tăng tính minh bạch; giúp quản lý hiệu quả hơn, đồng thời có thể đưa ra các quyết định điều chỉnh kịp thời dựa trên dữ liệu thực tế.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định;
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/01/2026.

7.2. Xây dựng chương trình, kế hoạch đưa nội dung lồng ghép giảng dạy nội dung kỹ năng số cơ bản (bao gồm: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Tự bảo vệ mình trên không gian mạng và Sử dụng nền tảng số khác tùy đặc thù của địa phương) vào tiết học ngoại khóa cho học sinh.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.
- Thời gian hoàn thành: Năm 2026.

8. Kinh tế số và xã hội số

Khuyến khích, vận động phụ huynh học sinh thực hiện thanh toán các khoản thu trường học không dùng tiền mặt; Sử dụng hóa đơn điện tử:

- Ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc khuyến khích, vận động phụ huynh học sinh thực hiện thanh toán các khoản thu trường học không dùng tiền mặt. Nhà trường sử dụng hóa đơn điện tử 100%.

- Kết quả: Việc không dùng tiền mặt các khoản thu trường học và duy trì 100% sử dụng hóa đơn điện tử giúp tối ưu hóa quy trình quản lý, giảm chi phí hành chính và tăng cường sự chính xác, minh bạch trong các giao dịch tài chính.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.
- Thời gian thực hiện: năm 2026.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

9.1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của viên chức, học sinh, phụ huynh học sinh về chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của viên chức, học sinh, phụ huynh học sinh về chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo.

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo (nếu có), Hội chuyên đề về chuyển đổi số theo quý của năm.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.

- Thời gian thực hiện: năm 2026.

9.2. Tuyên truyền viên chức, người dân hưởng ứng tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia (Zalo) để cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

- Ban hành văn bản tuyên truyền và đề nghị viên chức tham gia kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia (Zalo) để cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác. Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của nhà trường.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.

- Thời gian thực hiện: năm 2026 và thường xuyên.

9.3. Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

- Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng trong ngành GD&ĐT.

- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện theo quy định.

- Thời gian thực hiện: thường xuyên.

10. Các nhiệm vụ liên quan:

Thực hiện các nhiệm vụ liên quan tại Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực tin học cho học sinh phổ thông tỉnh Nghệ An theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2024 - 2030.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Truyền thông, nâng cao nhận thức, tăng cường tương tác với viên chức, người lao động, học sinh, phụ huynh học sinh, người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền sâu rộng đến viên chức, người lao động, học sinh, phụ huynh học sinh nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, nhất là DVCTT, ứng dụng số với nội dung thiết thực, hiệu quả, có kế hoạch, nội dung cụ thể.

- Xây dựng đa dạng các sản phẩm truyền thông để tuyên truyền chuyển đổi số (tin bài, clip, hình ảnh,...) thông qua nhiều hình thức linh hoạt, trực quan, dễ tiếp cận; tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử, thông tin cơ sở, các nền tảng mạng xã hội.

- Triển khai hướng dẫn, tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cho viên chức, người lao động, học sinh, phụ huynh học sinh hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số đảm bảo an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, công nghệ số nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp đã triển khai thành công, từ đó nâng cao nhận thức cho viên chức, người lao động, học sinh, phụ huynh học sinh về chuyển đổi số.

- Phối hợp tổ công nghệ số cộng đồng phát huy hiệu quả trong việc tuyên truyền, phổ biến, chuyển tải các thông điệp thiết thực, gần gũi và kỹ năng số cơ bản thông qua các ấn phẩm tuyên truyền các ứng dụng thông minh để người dân trên địa bàn xã nắm bắt được lợi ích mạng lại, sẵn sàng và tích cực tham gia.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn phổ biến về bộ chỉ số chuyển đổi số trong ngành và kết quả chuyển đổi số bằng nhiều hình thức. Tổ chức tự đánh giá trước khi trình cơ quan thẩm quyền đánh giá mức độ.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026 (10/10).

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số nhà trường chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, triển khai có hiệu quả và đảm bảo các mục tiêu đề ra; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai hàng tháng, quý.

- Hiệu trưởng nhà trường trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác chuyển đổi số; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của đơn vị nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ đổi mới trong lãnh đạo, quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số chủ động, chịu trách nhiệm và thực hiện đồng bộ các giải pháp để triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến nhà trường.

- Gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số với trách nhiệm người đứng đầu đơn vị và công tác đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm.

- Người đứng đầu đơn vị và đảng viên, viên chức gương mẫu đi đầu trong chuyển đổi số.

- Việc triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số tuân thủ nguyên tắc kế thừa và tiếp tục phát huy các kết quả, thành tựu từ hệ thống chính quyền điện tử, đô thị thông minh, phù hợp với điều kiện và đặc thù đơn vị, đảm bảo hiệu quả, thiết thực, không để xảy ra lãng phí.

3. Đào tạo nguồn nhân lực

- Triển khai các chương trình đào tạo về kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho các viên chức trong nhà trường.

- Cử viên chức tham gia các lớp đào tạo chuyên sâu do Bộ, tỉnh tổ chức để tham mưu triển khai chuyển đổi số, làm chủ thiết bị, hệ thống, nền tảng số.

- Triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ phụ huynh học sinh về chuyển đổi số; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo về chuyển đổi số.

4. Giải pháp tài chính

- Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số; ưu tiên triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin; khuyến khích các thử nghiệm các công nghệ mới, các giải pháp mới, các ý tưởng sáng tạo để nghiên cứu, vận dụng và đưa vào làm việc.

- Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án liên quan để thực hiện chuyển đổi số; nguồn đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.
- Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, ngân sách của tỉnh, xã phân bổ để bố trí, cân đối kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ.

5. Giải pháp hợp tác

- Phát huy các thỏa thuận hợp tác của địa phương ký kết với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số có uy tín, năng lực kinh nghiệm để tham gia xây dựng phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, định hướng chuyển đổi số trên địa bàn.
- Tổ chức học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các đơn vị trong và ngoài địa phương về chuyển đổi số; hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số, các trường, viện trong việc chuyển giao công nghệ, giải pháp và nền tảng số.

6. Kiểm tra, giám sát

- Định kỳ kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện chuyển đổi số tại nhà trường, thông qua hình thức kiểm tra trực tiếp, gián tiếp phù hợp tình hình thực tế.
- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao vai trò dẫn dắt chuyển đổi số của người đứng đầu; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, chính trị quan trọng để thường xuyên đôn đốc thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số nhà trường

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số trong đơn vị.
- Chỉ đạo công tác phối hợp giữa các đơn vị, tổ chuyên môn, bộ phận để các nhiệm vụ về chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, thống nhất.
- Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với các nội dung cải cách hành chính để thúc đẩy cải cách hành chính, góp phần làm tăng hiệu quả quản lý, điều hành của đơn vị.

2. Các Tổ chuyên môn, bộ phận, tổ chức liên quan trong nhà trường:

- Căn cứ Kế hoạch này chủ động xây dựng Kế hoạch hoặc lồng ghép các nhiệm vụ vào kế hoạch năm học của tổ, bộ phận để triển khai Chuyển đổi số năm 2026.
- Thực hiện các chỉ đạo, hướng dẫn của Lãnh đạo và Ban chỉ đạo chuyển đổi số nhà trường.
- Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về Lãnh đạo nhà trường mỗi năm 2 lần dịp tháng 06/2026 và tháng 12/2026.

3. Viên chức, người lao động nhà trường

- Thực hiện theo kế hoạch chuyển đổi số giáo dục năm 2026;

- Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với các nội dung cải cách hành chính để thúc đẩy cải cách hành chính, góp phần làm tăng hiệu quả quản lý, công tác giáo dục của nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của Trường THCS Minh Châu; đề nghị Bộ phận CNTT, các tổ chuyên môn, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong nhà trường thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đúng quy định./.

Nơi nhận:

- UBND xã Minh Châu (để b/c);
- Phòng VHXXH xã (để b/c);
- BGH, Tổ CM, Bộ phận VP (để t/h);
- Giáo viên, nhân viên (để t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Trường Giang